

Ngày 30/09/2025	12,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.9%	-0.1%	-3.2%

	Q3/25	
ROE	3.8%	+/- YoY ▲ 4.1%

	Q3/25		
DT thuần	114	QoQ	YoY
		▲ 1.00	▲ 36.9
		▲ 1.3%	▲ 48.4%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	311	YoY
		▲ 37.0
		▲ 13.2%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	13.2	QoQ	YoY
		▼ 1.80	▲ 2.90
		▼ 12.3%	▲ 27.8%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN gộp	40.1	YoY
		▲ 11.2
		▲ 38.7%
	tỷ VNĐ	

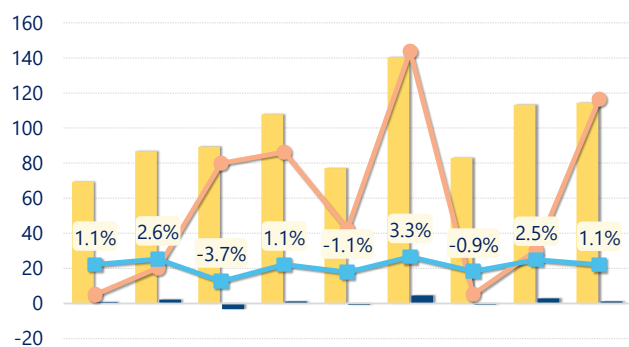
	Q3/25		
LN thuần	1.91	QoQ	YoY
		▼ 0.58	▲ 3.03
		▼ 23.1%	▲ 271%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN thuần	4.65	YoY
		▲ 7.00
		▲ 298%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	1.22	QoQ	YoY
		▼ 1.61	▲ 2.09
		▼ 57.0%	▲ 240%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	3.32	YoY
		▲ 6.27
		▲ 213%
	tỷ VNĐ	

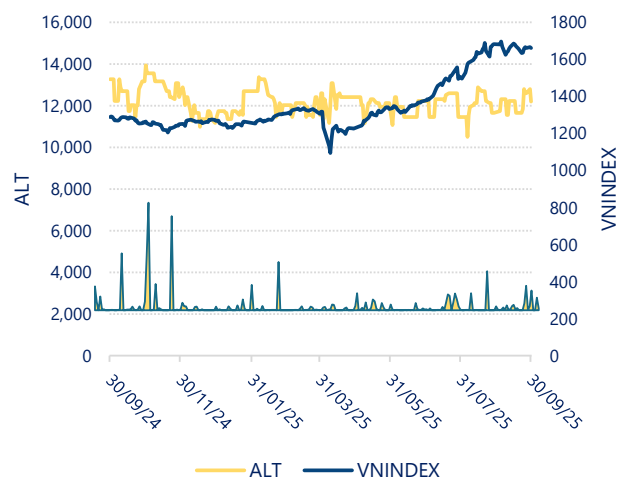
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

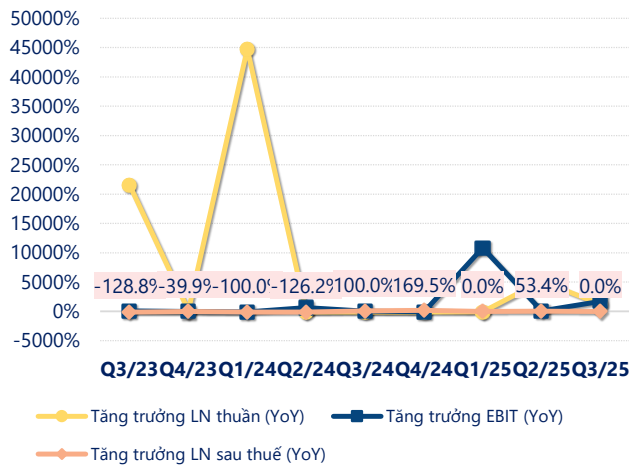
Doanh thu thuần Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng DTT (YoY) Tỷ suất LN ròng

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

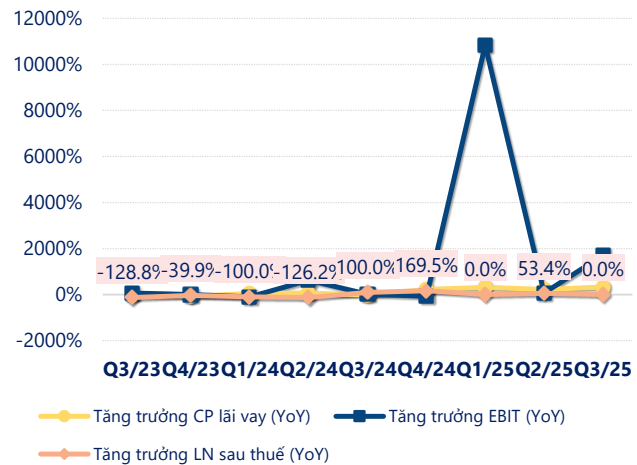
ALT VNINDEX

Tăng trưởng lợi nhuận



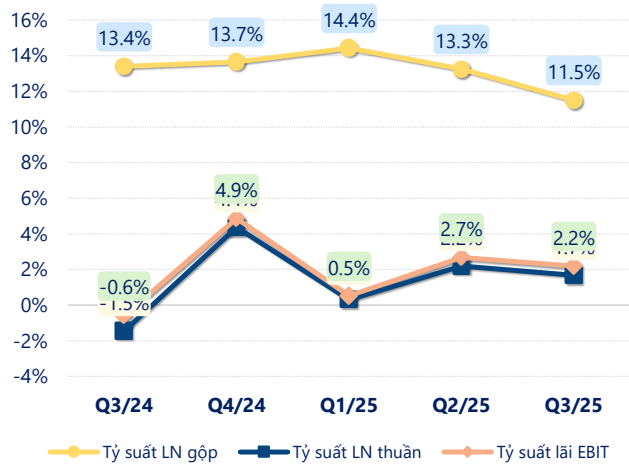
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



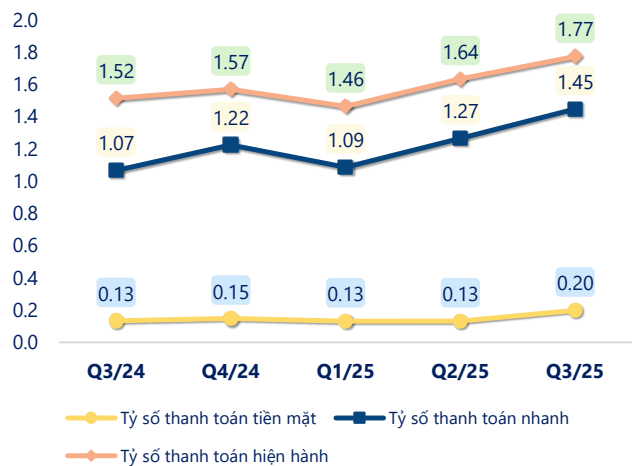
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



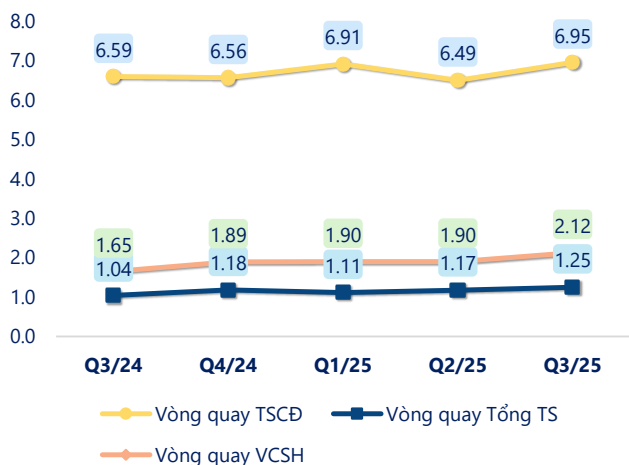
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



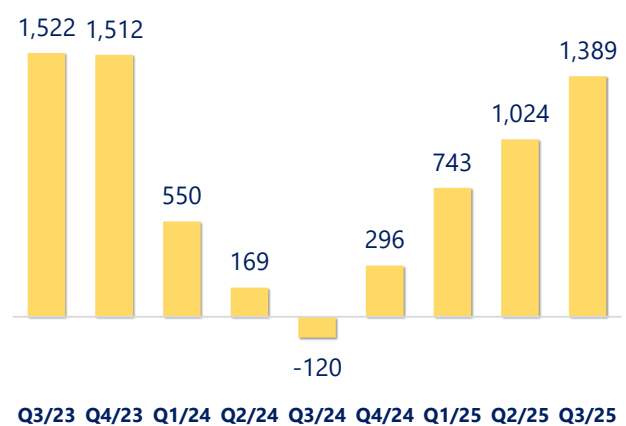
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	114	77.1	48.4%	311	274	13.2%
Giá vốn hàng bán	101	66.8	51.6%	271	245	10.2%
Lợi nhuận gộp	13.2	10.3	27.8%	40.1	28.9	38.7%
Doanh thu HĐTC	1.42	0.68	108%	3.14	4.63	-32.2%
Chi phí TC	1.02	1.12	-9.3%	2.80	2.82	-0.8%
Chi phí lãi vay	0.85	0.67	26.2%	1.96	1.83	6.9%
LN trong công ty LKLD	0.78	0.18	334%	1.43	0.14	889%
Chi phí bán hàng	5.47	4.14	32.2%	16.6	12.9	28.5%
Chi phí QLDN	6.96	7.05	-1.3%	20.6	20.3	1.7%
LN thuần từ HĐKD	1.91	-1.12	271%	4.65	-2.35	298%
Lợi nhuận khác	-0.25	-0.01	-2360%	-0.64	0.07	-962%
LN trước thuế	1.67	-1.13	248%	4.01	-2.27	277%
Lợi nhuận sau thuế	1.22	-0.87	240%	3.32	-2.95	213%
LNST của CĐ cty mẹ	1.22	-0.87	240%	3.32	-2.95	213%

(Nguồn: fireant.vn)

